

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 1294/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Hương

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Bửu Long.
2. Bà Trần Thị Bích Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 666/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Kim Đ (T), sinh năm 1967 (có mặt)
Địa chỉ: 16/9 đường T, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Luật sư Võ Hồng N– Công ty TNHH MTV Nam Luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định (vắng mặt)
2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thu P, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: 16/9 đường T, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
Địa chỉ liên lạc: 351/31 NTL, chung cư C, Phường 13, Quận Bình Thạnh, tầng 10, căn số 2, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trần Kim Đ trình bày:* Anh và chị Lê Thị Thu P trước khi kết hôn có tìm hiểu, đến ngày 16/12/1996 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại phường L , Tp. Quy Nhơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Nay tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn chị Lê Thị Thu P.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Kim Gia H, sinh ngày 29/10/1998. Hiện nay sức khỏe con bình thường, đã trưởng thành, ly hôn anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết, vợ chồng không có nợ chung.

** Tại bản khai ngày 24/7/2018 và các lời khai tiếp theo chị Lê Thị Thu P trình bày:* Chị thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như anh Đ trình bày là đúng, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau. Tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh Đ, nhưng hiện tại vẫn còn một số vấn đề vướng mắc, cần phải giải quyết. Chị chấp nhận ly hôn theo yêu cầu anh Đ với điều kiện giải quyết xong việc gia đình.

Về con chung: Chị thống nhất như lời trình bày của anh Đ. Anh chị có một con chung là Trần Kim Gia H, sinh ngày 29/10/1998. Hiện nay sức khỏe con bình thường, đã trưởng thành, ly hôn chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn anh Trần Kim Đ đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị Thu P không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Kim Đ xin ly hôn chị Lê Thị Thu P.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Kim Gia H, sinh ngày 29/10/1998. Hiện nay sức khỏe con bình thường, đã trưởng thành, ly hôn chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị P không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chị Lê Thị Thu P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh Đ và chị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại phường L, Tp. Quy Nhơn vào ngày 16/12/1996, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị P sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ và chị P đều trình bày nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh Đ, chị P đều xác định tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của anh chị không thể hàn gắn được. Do đó, anh Đ xin ly hôn chị P cũng đồng ý; nhưng theo chị P hiện tại vẫn còn một số vấn đề vướng mắc cần phải giải quyết, nên chị thống nhất ly hôn khi giải quyết xong công việc gia đình. Tòa triệu tập đến tham gia phiên hòa giải lần thứ hai chị không đến. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chị P vẫn vắng mặt chứng tỏ chị P không có thiện chí muốn hòa giải. Xét mâu thuẫn của anh Đ, chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Kim Gia H, sinh ngày 29/10/1998. Hiện nay sức khỏe con bình thường, đã trưởng thành, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị P thống nhất thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Bông phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[4] Ý kiến của Luật sư: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Kim Đ là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28,35,39,147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Kim Đ được ly hôn chị Lê Thị Thu P.
2. Về con chung: Anh chị có một con chung là Trần Kim Gia H, sinh ngày 29/10/1998. Hiện nay sức khỏe con bình thường, đã trưởng thành, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.
3. Về chia tài sản chung: Anh Đ và chị P không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: anh Trần Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009986 ngày 10/7/2018 của Chi cục Thị hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (Anh Đ đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSNDTP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND P. Lê Lợi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Thị Xuân Hương